

TRƯỜNG MÀM NON MẶT TRỜI NHỎ

CHƯƠNG TRÌNH HỌC LỚP LÁ 2021-2022

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a. Phát triển vận động.

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp như:
 - Hô hấp: hít vào thở ra.
 - Tay: đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) co và duỗi từng tay kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
 - Lưng, bụng, lườn: ngửa về phía sau kết hợp tay giơ lên cao chân bước sang phải, sang trái; quay sang trái – sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải – sang trái; nghiêng người sang hai bên kết hợp chạy chống hông, chân bước sang phải – sang trái.
 - Chân: đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau; nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
- Tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
 - Đi và chạy: đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối, đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê; đi nôi bàn chân tiến lùi; đi chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh,...
 - Bò, trườn, trèo: bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m; bò đích đích qua 7 điếm; bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m; trèo lên xuống 7 giống thang,....
 - Bật nhảy: bật liên tục vào vòng; bật xa 40 – 50cm; bật qua vật cản 15 – 20cm; nhảy lò cò 5m,...
- Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.
 - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.
 - Bẻ, nắn; lắp ráp.
 - Xé, cắt đường vòng cung.
 - Tô, đồ theo nét.
 - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây.

b. Dinh dưỡng sức khỏe:

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.

- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường trong 4 nhóm thực phẩm.
 - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
 - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng, đủ chất.
 - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng,...)
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.
 - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.
- Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
 - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
 - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.
 - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
 - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a. Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người như chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
- Đồ vật:
- Đồ vật (đồ dùng, đồ chơi): đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. So sánh sự khác và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
 - Phương tiện giao thông: đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
- Động vật và thực vật:
- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.

- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
- So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.

- Một số hiện tượng tự nhiên:

- Thời tiết, mùa: một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
- Ngày - đêm, mặt trời và mặt trăng: sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Nước: Các nguồn nước trong môi trường sống; ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây; một số đặc điểm, tính chất của nước; nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
- Không khí và ánh sáng: không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
- Đất đá, cát, sỏi: một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm:

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm trong khả năng.
- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)

- Xếp tương ứng: ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.

- So sánh, sắp xếp theo quy tắc: so sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp.

- Đo lường: đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

- Hình dạng:

- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian:

- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau, bên phải – bên trái, phía trên – phía dưới) so với bản thân trẻ với bạn khác và một vật nào đó làm chuẩn.
- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai
- Gọi tên các thứ trong tuần.

c. Khám phá xã hội:

- Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng:
 - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
 - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình; nhu cầu, địa chỉ gia đình.
 - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường.
 - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
- Một số nghề trong xã hội: tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

a. Nghe:

- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu.
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
- Nghe các bài hát, bài thơ, tục ngữ, câu đố,.. phù hợp với độ tuổi.

b. Nói

- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau?
- Đặt câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?
- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.

- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
- Kể lại sự việc, truyện đã được nghe theo trình tự.
- Kể chuyện theo tranh, đồ vật.
- Kể lại sự việc theo trình tự.

c. Làm quen với đọc và viết

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông,...).
- Nhận dạng các chữ cái. Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
- Hướng viết của nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
- Đọc truyện qua tranh vẽ. Giữ gìn và bảo vệ sách.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

a. Tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Sở thích, khả năng của bản thân.
- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân gia đình và lớp học.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b. Kỹ năng xã hội

- Một số quy định ở trường lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; giữ trật tự khi ăn, ngủ; đi bên phải lề đường)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.
- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.

- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng – sai, tốt – xấu”.

- Quan tâm đến môi trường.

c. Thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật: bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.

- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).